

BÐ, ngày 06 tháng 4 năm 2021

Số: **40/2021/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 215/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp 8, xã TH, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước

Đại diện theo ủy quyền của bà U: Ông Phạm Cao K, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu phố 3, phường LP, thị xã PL, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Trần Văn Y, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp 8, xã TH, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Huỳnh Thị U được quyền quản lý, sử dụng thửa đất ký hiệu A2 (diện tích 17206,8m², nằm trong tổng diện tích 34195,3m² thuộc thửa số 04, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại ấp 8, xã TH, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện BÐ cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Trần Văn Y và bà Huỳnh Thị U ngày 28/12/2006) và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất A2. Thửa đất có các cạnh như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa 39, tờ bản đồ 29 có các cạnh kích thước như sau: từ điểm số 1 đến điểm số 2: 27,61m, cạnh gấp khúc từ điểm số 02 đến điểm 04 lần lượt có chiều dài 9,1m + 21,40m.

+ Phía Tây giáp thửa A1 có các cạnh kích thước như sau: 21,77m + 64,51m + 15,44m + 15,40m + 20,36m + 28,48m + 14,10m + 18,69m + 12,19m + 14,14m + 17,67m + 20,68m + 13,06m + 9,63m + 16,80m + 13,97m + 17,89m + 23,41m + 14,22m + 20,36m + 12,61m + 18,88m + 5,70m + 11,56m.

+ Phía Đông giáp thửa số 1, số 5 có các cạnh kích thước như sau: từ điểm số 4 đến điểm số 6: 112,8m + 56,70m; từ điểm số 6 đến điểm số 8: 50,70m + 213,10m

+ Phía Nam giáp đường nhựa có các cạnh kích thước như sau: 13m + 25,80m

- Ông Trần Văn Y được quyền quản lý, sử dụng thửa đất ký hiệu A1 (diện tích 16988,5m², nằm trong tổng diện tích 34195,3m² thuộc thửa số 04, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại ấp 8, xã TH, huyện BD, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện BD cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Trần Văn Y và bà Huỳnh Thị U ngày 28/12/2006) và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất A1. Thửa đất có các cạnh như sau:

+ Phía Đông giáp thửa A2 có các cạnh kích thước như sau: 21,77m + 64,51m + 15,44m + 15,40m + 20,36m + 28,48m + 14,10m + 18,69m + 12,19m + 14,14m + 17,67m + 20,68m + 13,06m + 9,63m + 16,80m + 13,97m + 17,89m + 23,41m + 14,22m + 20,36m + 12,61m + 18,88m + 5,70m + 11,56m.

+ Phía Bắc giáp thửa 39, tờ bản đồ 29 (từ điểm 1 đến điểm 4) có các cạnh kích thước như sau: 20,10m + 31,10m + 34,79m.

+ Phía Tây giáp các thửa số 2, 3, 6 có các cạnh kích thước như sau: 48,90m + 124,10m + 2,10m + 10,70m + 32,10m + 9,90m + 13,30m + 35,10m + 8,10m + 146,50m.

+ Phía Nam giáp đường nhựa có các cạnh kích thước như sau: 2,63m + 15,60m.

(Theo bản đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính thửa đất số 04, tờ bản đồ 02 ngày 27/01/2021 của Công ty TNHH đo đạc PH, đính kèm Quyết định này).

- Ông Trần Văn Y được quyền sở hữu 01 xe ô-tô hiệu THACO màu đỏ, loại 29 chỗ ngồi, số máy: D4DDB462283, số khung: B29DCC086845, biển kiểm soát 93B-00186 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô số 005632 đã được Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/11/2015 cho bà Huỳnh Thị U.

- Bà Huỳnh Thị U được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 39, tờ bản đồ 29, diện tích 2877,4m² tọa lạc tại ấp 8, xã TH, huyện BD, tỉnh Bình Phước được UBND huyện BD cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất cho hộ ông Trần Văn Y và bà Huỳnh Thị U ngày 22/12/2006 và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất này.

Các bên đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn sử dụng đất, tách, đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nói trên và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô-tô số 005632.

- Về án phí:

Do bà U và ông Y đã tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản và đề nghị Tòa án ghi nhận trước khi tiến hành hòa giải, đồng thời bà U và ông Y đều đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà U và ông Y không phải chịu án phí DSST theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị U tự nguyện chịu 10.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã chi, được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng bà U đã nộp theo Phiếu thu số 58 ngày 11/11/2020 của TAND huyện BĐ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kiều My

